TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/7/2025
V/v tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC H - ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Cười

2. Ông Nguyễn Tấn Đạt

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 130/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp *"Ly hôn và nuôi con chung"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 194/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2025/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 03/TB-TA ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Lan H**, sinh năm 1995. *(xin vắng mặt)*

Địa chỉ: Khu phố Q, phường T1, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1990. *(vắng mặt không lý do)*

Địa chỉ: Ấp T2, xã TĐ, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 16/4/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan H trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị và anh T kết hôn năm 2015, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TC, quận M, thành phố Hồ Chí Minh (nay thuộc phường T1, thành phố Hồ Chí Minh), hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, cuộc sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2023, vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng về quan điểm sống và tích cách dẫn đến cãi nhau, tình cảm vợ chồng không còn như trước, sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Vợ chồng chị có tìm cách hàn gắn

tình cảm nhưng không thành, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc nên chị yêu cầu được ly hôn, chấm dứt tình trạng hôn nhân như hiện nay.

- Về con chung: Vợ chồng chị chung sống có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/7/2016; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/6/2018 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 28/9/2023, các cháu hiện sống cùng chị. Ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con, chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

** Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn T không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn dù anh đã được Tòa án triệu tập và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H. Cho chị Nguyễn Thị Lan H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

+ Về nuôi con chung: Giao các cháu gồm Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/7/2016; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/6/2018 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 28/9/2023 cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng; buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định pháp luật. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp *"Ly hôn, nuôi con chung"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực H - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn chị H xin vắng mặt, bị đơn anh T vắng mặt không lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị H, nhận thấy:

- Vợ chồng chị kết hôn vào năm 2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường TC, Quận M, thành phố Hồ Chí Minh (nay

thuộc phường T1, thành phố Hồ Chí Minh) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 271 ngày 31/12/2015 nên là hôn nhân hợp pháp.

- Theo lời trình bày của chị H: Sau khi kết hôn, chị và anh T chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2023 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm và tính cách, thường xuyên tranh cãi nên anh chị sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập anh T nhưng anh không đến Tòa án, không gửi văn bản trình bày ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị H. Đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự xem như anh T mặc nhiên thừa nhận những mâu thuẫn vợ chồng như chị H đã nêu và điều này cho thấy anh cũng không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của chị H, cho chị được ly hôn với anh T là cần thiết và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về nuôi con chung:

- Anh chị chung sống có 03 người con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/7/2016; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/6/2018 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 28/9/2023. Xét yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung của chị H nhận thấy: Các cháu hiện sống cùng chị đã ổn định cuộc sống về mọi mặt, cháu A và cháu P có nguyện vọng muốn tiếp tục sống cùng chị, đối với cháu P1 hiện dưới 36 tháng tuổi nên rất cần mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; hơn nữa, anh T cũng không có ý kiến phản đối yêu cầu này của chị. Do đó, việc giao các cháu cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là cần thiết và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên yêu cầu của chị được Hội đồng xét xử chấp nhận. Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con:

Xét yêu cầu của chị H là có căn cứ chấp nhận, bởi lẽ: Do anh T không trực tiếp nuôi con nên anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, do chị H không cung cấp được chứng cứ về thu nhập hiện tại của anh T cũng như tài liệu về các khoản chi phí hàng tháng để nuôi dưỡng 03 người con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xác định thu nhập của anh T thuộc trường hợp lao động phổ thông và xác định mức cấp dưỡng nuôi con mà anh T phải thực hiện mỗi tháng tại thời điểm hiện nay là 1/2 tháng lương tối thiểu vùng nơi anh T cư trú tương ứng 1.725.000 đồng/tháng/người con (lương tối thiểu vùng căn cứ theo Nghị định số 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động). Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 03 con chung đủ 18 tuổi, lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

- Chị H yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 6 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực H - Đồng Tháp là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: *- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83, 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;*

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Lan H. Cho chị Nguyễn Thị Lan H được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cho chị H được tiếp tục nuôi dưỡng 03 con chung tên Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/7/2016; Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 07/6/2018 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 28/9/2023.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 03 con chung với mức cấp dưỡng theo quy định pháp luật là 1.725.000 (Một triệu bảy trăm hai mươi lăm nghìn) đồng/tháng/người con, thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, lao động được.

- Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung; không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí:

- Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013847

ngày 20/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay thuộc Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp) nên xem như chị đã nộp xong án phí.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm (cấp dưỡng nuôi con).

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiền

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND khu vực H - ĐT;
- THADS tỉnh ĐT;
- UBND phường T1, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.